

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

TẬP 7

Người giảng: Lão Pháp sư Tịnh Không

Địa điểm: Thánh Hà Tây

Cản dịch: Vọng Tây cư sĩ, Viên Đạt cư sĩ

Biên tập: Phật tử Diệu Hiền

Mời xem kinh văn: “*Cổ thuyết bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết: yết để yết để, ba la yết để, ba la tăng yết để, bồ đề tát bà ha*”.

Trong một đoạn đề mục này là muốn nói với chúng ta việc kết hiển khai mật. Bản kinh tổng cộng có 260 chữ. Ba mươi một chữ sau cùng này là mật thuyết, phần trước là hiển thuyết, đây chính là chú ngữ mà trong nhà Phật thường nói. Lời chú ngữ này, thông thường không dịch là thích hợp nhất. Tiểu chú dưới đây nói cho chúng ta biết lời kinh có năm loại không được dịch. Đây là quy định được đại sư Huyền Trang đời Đường lập nên trong viện phiên dịch, có năm loại không được dịch. Trong năm loại này thì chú ngữ là một trong những loại đó.

Thứ nhất chú ngữ là mật ngữ của Phật, cho nên chỉ có Phật mới hiểu, ngoài Phật ra thì không ai biết. Hay nói cách khác, Bồ Tát đẳng giác trở xuống đều không biết ý nghĩa trong đó.

Thứ hai, chú ngữ mỗi một chữ, mỗi một câu đều hàm chứa vô lượng nghĩa. Điều này chúng ta biết được khi chúng ta nghiên cứu kinh đại thừa, không những mật chú từng chữ hàm chứa vô lượng nghĩa, mà ngay cả kinh văn hiển thuyết, nghĩa lý của nó cũng vô cùng phong phú. Cho nên kinh điển của Phật, bất kể là đại thừa hay tiểu thừa, hoặc giả là liễu nghĩa, hoặc giả là không liễu nghĩa, pháp vị của nó có thể nói đều vô cùng đậm đà, khiến chúng ta đọc lâu mà không thấy chán. Chữ lâu ở đây rốt cuộc là bao lâu vậy? Có thể nói, từ lúc sơ phát tâm cho đến viên thành Phật đạo cũng đọc không chán, cũng đọc không biết mệt, hưởng hồ là thần chú của Như Lai.

Thứ ba là ở trong thần chú thường hay có rất nhiều danh hiệu của quý thần. Phật kêu gọi những quý thần này bảo vệ người tu hành. Cũng như trong tục ngữ chúng ta thường nói, phù hộ những người tu hành này, do đó danh hiệu của họ không hoàn toàn là ngôn ngữ của thế gian.

Thứ tư, thần chú cũng là mật ấn của chư Phật, giống như khẩu lệnh ở trong quân đội vậy, là thuộc về mật ngữ. Tụng cái thần chú này thì sao? Có thể nói là tương thông rĩ tai nhau vậy, nhất định có thể được chư Phật hộ niệm, long thiên phù hộ.

Thứ năm, đây là sự gia trì thần lực không thể nghĩ bàn của chư Phật Như Lai.

Thần chú rất phong phú như vậy, có nhiều ý nghĩa như vậy ở trong đó, cho nên đại sư Huyền Trang cho rằng, cứ giữ nguyên âm của nó chứ không dịch nghĩa là viên mãn nhất. Ở chỗ này trong tiểu chú cũng nói: “Mật là sâu xa khó nói ra nghĩa”. Điều

này phần trước đã báo cáo qua với quý vị rồi. Trong Phật pháp chắc chắn không có bí mật. Phạm là bí mật thì thế nào cũng có chỗ không thể nói cho người khác nên họ mới giữ kín. Nếu như tâm địa thanh tịnh chánh đại quang minh thì làm gì có chuyện bí mật? Cho nên trong Phật pháp nói chữ mật này có nghĩa là thâm mật, nghĩa lý quá sâu, không phải người mới học, không phải người căn tánh cạn cợt mà có thể nhận ra được, cho nên gọi nó là thâm mật. Do nghĩa lý quá sâu, Phật quan sát căn cơ của chúng sanh, nếu không phải đích thực là người thượng căn lợi trí thì Phật sẽ không bao giờ nói những pháp này. Tuy không nói, nhưng có khi cũng tiết lộ một chút tin tức, như câu thần chú này, có thể nói là Phật vì chúng ta tiết lộ một chút tin tức vậy.

Về phương diện tu trì mà nói, kinh luận là hiển thuyết. Chúng ta thường hay khuyên người khác đọc tụng, không những chúng ta khuyên mà Phật ở trong tất cả kinh luận, nói đến tu trì, thường khuyên bảo đại chúng đọc tụng là một cách thức tu học quan trọng của họ. Đọc tụng kinh điển, kinh điển là hiển thuyết. Thông thường chúng ta vừa đọc tụng vừa tư duy ý nghĩa ở trong kinh đã nói. Làm như vậy thì tâm chúng ta quả thật mà nói sẽ không được thanh tịnh. Tư duy, tưởng tượng, nghiên cứu, tìm tòi là đều rơi vào ý thức thứ sáu cả. Hay nói cách khác, chắc chắn sẽ chướng ngại tâm thanh tịnh, chắc chắn sẽ chướng ngại cửa ngộ, cánh cửa khai ngộ sẽ rất khó thành tựu tam muội. Cũng chính là nói, nương theo đọc tụng kinh điển, từ xưa đến nay, người giải ngộ rất nhiều. Khai ngộ từ kinh điển gọi là giải ngộ. Người giải ngộ rất nhiều, nhưng người chứng ngộ chúng ta không thấy. Chứng ngộ phải từ định tuệ mà khế nhập. Phương pháp đọc tụng này thì tu định, tu tuệ là tương đối khó, nhưng người có căn tánh lanh lợi, chúng ta thấy trong kinh thường nói người thật thà thì dùng phương pháp đọc tụng cũng có thể thành tựu tam muội, có thể đại khai viên giải.

Thế thì phải đọc tụng kinh điển như thế nào? Là dứt khoát không được tư duy về nghĩa thú ở trong kinh, tức là như trong khởi tín luận Bồ Tát Mã Minh đã dạy yếu lĩnh cho chúng ta. Ngài nói:

- Điều thứ nhất là phải lìa tướng ngôn thuyết. Văn tự chính là ký hiệu của ngôn thuyết. Hay nói cách khác, lìa tướng ngôn thuyết là chúng ta đọc kinh phải lìa tướng văn tự.

- Điều thứ hai là phải lìa tướng danh tự. Danh tự tức là vô vàn những thuật ngữ mà Phật đã nói, không nên chấp trước.

- Điều thứ ba là phải lìa tướng tâm duyên. Điều này là rất vô cùng quan trọng, tức là dứt khoát không nên nghĩ ngợi về ý nghĩa ở trong kinh văn.

Hay nói cách khác, nếu như thật sự có thể lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên để đọc kinh, thì kiểu đọc kinh như vậy so với niệm chú quả thật mà nói là không hai không khác, hiệu quả hoàn toàn không thua gì mật chú. Vì kiểu phương pháp tu hành này thật đúng là tam học giới định tuệ được hoàn thành cùng một

lúc. Người căn tánh bậc trung trở xuống, người có tập khí rất nặng, mở quyển kinh ra thì tự nhiên họ sẽ theo mặt chữ mà đoán nghĩa. Đối với người căn tánh loại này thì đọc kinh không bằng niệm chú. Tại sao vậy? Vì chú ngữ không có ý nghĩa, nên họ nhìn thấy chú ngữ thì họ không thể sinh khởi ý, ngược lại sẽ dễ dàng được định. Cho nên cái này chính là tụng trì mật pháp, nó có thể giúp bạn không khởi phân biệt, không khởi vọng tưởng, dễ dàng đạt được tam muội. Cái này là một dạng thù thắng riêng trong tu học mật pháp, cũng chính là cái hay riêng. Đại đức của Mật Tông cũng đã nói cho chúng ta biết, mật chú không hoàn toàn là tiếng Phạn, hay nói cách khác, ngay cả người Ấn Độ cũng có rất nhiều người không hiểu, vì trong chú ngữ thực ra mà nói nó cũng có ngôn ngữ của các cõi ở trong lục đạo này. Quả thật mà nói, Phật Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp, đại chúng đến tham dự đạo tràng nghe kinh, thường hay có Phật, Bồ Tát, thiên nhân ở những thế giới khác, ngoài ra còn có một loại chúng sanh có duyên, họ cũng có cơ hội đến nghe, cũng đều có mặt, hơn nữa số lượng thường thù thắng hơn so với chúng ta. Thế nên ngôn ngữ mà Phật nói với chúng ta, họ nghe có hiểu không vậy? Điều này chúng ta không nên buồn, trong kinh luận thường nói: “Phật dùng một âm để thuyết pháp, chúng sanh tùy mỗi loài đều hiểu được”. Phật thăng tòa thuyết pháp, người Trung Quốc chúng ta ở dưới nghe ngôn ngữ này của Phật thành ra tiếng của người Trung Quốc, người nước ngoài nghe thì họ nghe ra thành ngôn ngữ của họ, thiên nhân nghe thì thành ra ngôn ngữ của thiên nhân, súc sanh nghe thì thành ra ngôn ngữ của súc sanh, đều là ngôn ngữ của từng loài riêng biệt. Phật có loại thần lực này. Loại thần lực này thực sự mà nói, vào thời trước là rất khó khiến người ta tin được. Nhưng hiện nay khoa học kỹ thuật phát triển, máy vi tính đã phát minh ra cái máy ngôn ngữ này rồi, là máy phiên dịch ngôn ngữ, đã có thể làm được điều này rồi. Trong hội nghị quốc tế chúng ta dùng ngôn ngữ của nước mình giảng giải, vừa nói ra thì cái máy này liền dịch ra các loại ngôn ngữ khác nhau. Máy vi tính cũng có thể làm được rồi, uy thần của Phật thì đâu có việc gì là không thể chứ! Điều này thì chúng ta tin, vì đức năng của Phật là viên mãn, quả thật là Phật có năng lực này.

Thường là sau khi Phật nói kinh này xong thì hay dùng mật chú. Mật chú quả thật mà nói, chỉ là nói ngôn ngữ của lục đạo, đó chính là đối với những người này, dùng ngôn ngữ của họ, gởi lời chào rất rõ ràng đến với họ để biểu thị tình cảm thân thiết. Trên thực tế, tôi tin rằng vẫn chưa dùng ở đó, Phật vì muốn cho tất cả chúng sanh được lợi ích chân thật, nên mật chú đó đúng như phần trước đã nói, là mật ngữ của chư Phật Như Lai, đẳng giác trở xuống đều không biết, chỉ cần y theo thọ trì thì chắc chắn đạt được tam muội. Tôi nghĩ cách nói này của cổ đức mới là viên mãn.

Cho nên nếu chúng ta gặp được thần chú, thì nhất định phải dùng tín tâm mà huân tập, ngoan ngoãn thọ trì, lấy tâm thanh tịnh mà cảm ứng. Đại sư Huyền Trang không dịch, chúng ta cũng không nên miễn cưỡng giải thích. Đại đức xưa quả thực cũng có giải thích, như pháp sư Quán Đỉnh trước nhà Thanh, Ngài giải thích về những thần chú này cũng tương đối cặn kẽ. Thí dụ kinh Lăng Nghiêm, từ xưa đến nay chú giải có đến

hơn 100 loại. Nhưng ngũ hội Lăng Nghiêm thần chú, các nhà giải thích không nhiều, chỉ duy có chú giải kinh Lăng Nghiêm của pháp sư Quán Đỉnh, Ngài đem thần chú ra giải thích thật cặn kẽ, và thế là cái mật chú này cũng liền biến thành hiển thuyết rồi. Vậy có như pháp hay không? Chúng ta không dám nói, điều đó cung cấp cho chúng ta làm tham khảo tu học mà thôi. Nhưng tuyệt đại đa số các bậc đại đức vẫn chủ trương không giải thích là hay nhất. Như Phật nói kinh, thì thường sau hiển thuyết đều có mật thuyết, không chỉ là kinh này mà rất nhiều kinh điển khác cũng đều có cái lệ này. Hiển thuyết là đã đem nghĩa kinh ra khai thị nói rõ cặn kẽ. Mật thuyết vẫn có cái ý của hiển thuyết, chỉ là ngôn ngữ đơn giản. Cho nên mật chú lại được dịch thành tổng trì, tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa. Nói tỉ mỉ thì tổng trì cũng là một sự việc. Do đó chúng ta hiểu rõ nghĩa thú của hiển thuyết, thì đại ý của cái mật chú này cũng liền đó có thể suy đoán mà biết vậy. Đây gọi là “Mật là mật của hiển, hiển là hiển của mật”. Chúng ta chỉ cần biết cái ý này, về mật đại thể có thể đạt được sự thọ dụng chân thực của nó.

Chú ngữ của bản kinh tổng cộng có bốn câu. Điều quan trọng nhất của chú ngữ là âm phải chính xác. Cho nên mật tông vô cùng coi trọng sự truyền khẩu của thầy, vì âm tiếng Phạn, chúng ta dùng âm văn tự của tiếng Trung Quốc để phiên âm ra. Bộ kinh này được phiên dịch vào đời Đường. Vào đời nhà Đường đọc âm của các chữ này, so với âm chúng ta đọc hiện nay thường có sự khác biệt rất lớn. Thí dụ chúng ta rất thường hay nghe, vào thời Đường phiên âm là “Ná Mó”, âm này là rất chính xác. Hiện nay nếu chúng ta theo cách thông thường của mình mà niệm thì sao? Là niệm Nam Mô. Vậy thì cái âm này liền có sự sai biệt vô cùng lớn rồi. Cho nên chữ cổ tuy không có thay đổi, nhưng âm của nó tùy theo thời đại mà có thay đổi, có sự khác biệt. Nếu như nhiếp tâm tu được tam muội, chỉ cần chúng ta chí thành, cung kính mà niệm, thì dù có đọc sai âm cũng không sao cả. Tại sao vậy? Đó là nhiếp tâm, không để chúng ta khởi phân biệt, vọng tưởng. Nếu như gọi quý thân, thì những lời của danh hiệu này, âm đó không chính xác, chúng ta niệm lên họ không hiểu, chúng ta mời họ, họ không đến. Cho nên những điều này chúng ta cũng cần phải hiểu rõ. Phía sau tâm kinh, bốn câu chú này là chân ngôn của Như Lai, không phải danh hiệu của quý thân, chỉ cần chúng ta nhiếp tâm chân thành mà niệm thì chắc chắn có lợi. Ngữ âm này của chúng ta là niệm: “Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha”. Cách niệm của âm tiếng Phạn so với cách niệm của chúng ta đây không giống nhau.

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh đến đây đã giới thiệu viên mãn rồi. Chúng ta thường hay đọc trong kinh luận đại thừa thấy “chư Phật Như Lai tam mật tương ưng”. Đây là ý mật, thân mật, ngữ mật. Cái ý này cũng giống như phần trước đã nói, nó không phải là thần bí, không phải bí mật, mà chính xác là thâm mật. Tâm của Phật thường luôn kỳ vọng tất cả chúng sanh mau chóng viên thành Phật đạo, hoàn toàn không hy vọng chúng ta nghe Phật pháp mà phải tu ba đại A Tăng kỳ kiếp, hoặc giả như trong kinh Hoa nghiêm nói, phải tu vô lượng kiếp mới có thể thành tựu, điều đó không phải là nguyện vọng của Phật. Nhưng quả thật là không biết bao nhiêu chúng sanh cần phải trải

qua quá trình. Cũng giống như người làm cha mẹ trong thế gian chúng ta, hy vọng con cái thành tựu trong học vấn, thành tựu trong sự nghiệp, thế thì học cũng nhất định phải qua tiểu học, trung học, đại học, nghiên cứu sinh, người bình thường đều phải trải qua quá trình này. Nhưng người làm cha mẹ có tâm mong muốn con cái của mình là những đứa trẻ thiên tài hay không? Tức là mong con mình không cần trải qua quá trình này mà được thành tựu? Đương nhiên là cha mẹ mong như vậy, chỉ sợ con cái mình không phải là người căn tánh thượng thượng thừa. Sự kỳ vọng của chư Phật Như Lai đối với chúng sanh đúng là như vậy. Cho nên chúng ta nói đến cái mật ý này, cái tam mật này quả thật là không thể nghĩ bàn. Không những người căn tánh mật tông, những tri thức này là không thể nghĩ bàn, mà người căn tánh niệm Phật đây cũng đặc biệt không thể nghĩ bàn. Tại sao vậy? Chính vì họ là người thuộc vào loại thượng thượng thừa, họ không cần trải qua nhiều kiếp tu hành, không cần trải qua 51 cấp bậc của Bồ Tát, họ chỉ trong một đời liền viên thành Phật đạo. Chúng ta thử nghĩ thật tỉ mỉ, bình tĩnh mà quan sát, đây là loại căn cơ như thế nào? Nếu như không dùng tam mật quả vị của chư Phật Như Lai để nói thì không thể nào nói rõ được. Loại người này không có lợi căn rõ rệt giống như Thiên tông. Người lợi căn bên thiên tông, nói ra có thể đốn ngộ, có thể minh tâm kiến tánh, căn tánh nhạy bén này của họ là vô cùng rõ rệt.

Căn tánh nhạy bén của Tịnh tông không rõ rệt, nhưng họ nhạy bén ở chỗ nào vậy? Trong kinh Vô Lượng Thọ Phật nói với chúng ta, một câu sáu chữ hồng danh A Di Đà Phật này quả đúng là thần chú vô thượng, đây là một sự thật không thể nào phủ nhận. Vì định nghĩa của chú là tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa. Một câu Nam Mô A Di Đà Phật này thật đúng là tổng tất cả pháp. Không chỉ là tất cả pháp mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm, thật sự là Ngài đã tổng hợp tất cả pháp của mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai đã tuyên thuyết. Cho nên đó đích thực là thần chú đứng đầu, là pháp môn đại tổng trì đứng đầu. Vì thế tận hư không khắp pháp giới, bất kể chúng sanh căn tánh như thế nào, gặp được thần chú này, gặp được danh hiệu A Di Đà Phật thì không có một người nào mà không được độ. Cái ý này cũng như phần trước đã nói, tức là ý nghĩa thứ năm ở trong cái chú này là có sự gia trì của uy thần không thể nghĩ bàn. Danh hiệu A Di Đà Phật là sự gia trì uy thần không thể nghĩ bàn của mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai, vì thế bất kể chúng sanh nào, cho dù chúng sanh đó tội nghiệp cực nặng, tạo tác ngũ nghịch thập ác, chúng sanh cõi địa ngục A Tỳ cũng có thể vì đó mà được độ, cũng có thể vì đó mà một đời viên thành Phật đạo. Đây là sự thật không thể nghĩ bàn, là sự kỳ vọng thiết tha chân thật của chư Phật Như Lai đối với tất cả chúng sanh.

Trước đây có người đưa ra một vấn đề, hỏi rằng có phải Phật thật sự có vạn đức vạn năng hay không? Hay là vạn đức vạn năng chỉ để tán thán Phật mà thôi và Phật hoàn toàn không có trí tuệ cứu cánh viên mãn, đức năng viên mãn thật sự? Chúng tôi lúc mới học, quả thật rất khó giải đáp vấn đề này. Mãi đến sau này, chúng tôi đã đọc rất nhiều kinh luận liễu nghĩa của đại thừa, đọc đến kinh Vô Lượng Thọ thì mới chợt hiểu

ra, thực sự hiểu được đức năng của Phật quả thật là viên mãn. Viên mãn đến mức nào vậy? Con người này tạo tác tội nghiệp, lập tức phải bị đọa địa ngục A Tỳ, vậy Phật có năng lực bảo hộ lập tức thành Phật hay không? Nếu như Phật không có năng lực này, vậy thì đức năng này của Phật chỉ là tán thán chứ không phải chân thực. Hiện nay chúng ta chứng minh rồi, Phật quả thực đúng là có năng lực này. Thế thì tại sao Phật không độ hết tất cả những chúng sanh bị khổ bị nạn này vậy? Không phải Phật không có năng lực, mà là vì những người này không muốn tiếp nhận lời giáo huấn của Phật, thế thì hết cách rồi. Điều này ở trong kinh luận cũng thường nói, Phật không độ người không có duyên. Thế nào gọi là người không có duyên vậy? Là không nghe lời, không tin tưởng, không chịu tiếp nhận, không thể y giáo phụng hành. Loại người này thì Phật không thể độ.

Cho nên kinh điển của Tịnh tông, phương pháp tu học của Tịnh tông là kết tinh trí tuệ bát nhã viên mãn của chư Phật Như Lai, là thâm mật vô thượng. Không chỉ có Thế Tôn nói niệm Phật ở trong kinh đại tập, mà niệm Phật là một dạng thiền định rất sâu. Lời này là thật, không phải giả. Một câu Phật hiệu này là thần chú, mật chú vô thượng thậm thâm. Người nào có thể tiếp nhận? Người tiếp nhận cũng hoàn toàn không phải ngẫu nhiên, trong kinh Di Đà đã nói rất rõ ràng với chúng ta rằng, pháp môn này là dành cho người có thiện căn, phước đức, nhân duyên viên mãn thành tựu, họ được lợi ích. Cho nên trong kinh nói: “Không thể người có ít thiện căn phước đức nhân duyên mà có thể được sanh về cõi ấy”. Thiện căn không thể thiếu, hay nói cách khác, phải nhiều thiện căn, nhiều đến mức nào vậy? Chúng ta thấy trong kinh Vô Lượng Thọ, ở trong kinh Phật nói với chúng ta, năm xưa lúc Phật nói kinh Vô Lượng Thọ, vua A Xà Thế cùng 500 đại trưởng giả, đây là một nhóm của họ, một đoàn thể nhỏ của họ. Người của một đoàn thể nhỏ nhiều đời nhiều kiếp trong đời quá khứ chắc chắn có nhân duyên thù thắng, không có nhân duyên thì không thể tập hợp cùng nhau được. Họ nghe Phật giới thiệu về cõi Tây Phương Tịnh Độ liền sanh vô lượng tâm hoan hỷ, phát nguyện hy vọng tương lai thành Phật cũng sẽ giống như Phật A Di Đà vậy. Tuy cái niệm này còn ở trong tâm chưa nói ra, nhưng Phật có tha tâm thông, Phật biết hết cả, Phật tán thán họ. Phật bảo với đại chúng rằng, nhóm người của vua A Xà Thế đây trong đời quá khứ đã từng cúng dường 400 ức đức Phật. Chúng ta phải nhớ cho kỹ, 400 ức đức Phật, thì thời gian đó dài cỡ nào! Từ đó cho thấy, thiện căn của họ sâu dày biết bao, nhưng cúng dường 400 ức đức Phật, nghe đến pháp môn này mà vẫn chưa có phát tâm cầu vãng sanh, chỉ là nghe rồi sinh tâm hoan hỷ chứ không có phát tâm cầu sinh Tịnh Độ. Hay nói cách khác, trong quá khứ đã từng cúng dường 400 ức đức Phật, cái thiện căn này vẫn chưa đủ. Hôm nay chúng ta nghe đến pháp môn này sinh tâm hoan hỷ, hơn nữa còn phát nguyện nhất tâm trì danh cầu sinh Tịnh Độ, thế thì thiện căn này của chúng ta là sâu dày hơn nhiều so với thiện căn của vua A Xà Thế rồi. Từ chỗ này mới hiểu được, ngày nay người gặp được pháp môn này mà chịu phát tâm niệm Phật, thì thiện căn của họ là sâu dày biết bao! Chỉ có thiện căn sâu dày như vậy, nghe đến pháp môn này mới sanh tâm hoan hỷ, mới thật sự muốn phát nguyện, thật sự muốn cầu sanh.

Cho nên thiện căn là tín giải, họ nghe hiểu rồi, thông suốt rồi, họ biết so sánh giữa thế giới này với thế giới Ta Bà và thế giới của chư Phật khác, họ biết thế giới Tây Phương Cực Lạc quả thật là thù thắng, quả thật đáng được chúng ta hướng về. Cái tín tâm lý giải này là thiện căn. Phước đức là gì vậy? Là một lòng một dạ cầu nguyện vãng sanh. Cái phước báo này thật là quá lớn, đây là nhiều phước đức vậy. Nhân duyên là chúng ta gặp được bản kinh này, gặp được pháp môn này, gặp được thiện tri thức chỉ đường, gặp được đạo hữu đồng tu khích lệ. Ba điều kiện này được đầy đủ, thì người này trong một đời này chắc chắn được sanh Tịnh Độ. Vừa vãng sanh Tịnh Độ liền vượt qua 41 nhân vị. 41 nhân vị này là 41 vị pháp thân đại sĩ mà trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, đây là viên siêu, là đốn siêu vậy. Cho nên, nếu đây không phải là sự noi gương về bát nhã ba la mật thậm thâm trên quả địa của tất cả chư Phật và Phật A Di Đà thì làm sao có thể khiến cho phàm phu có thành tựu cứu cánh viên mãn như thế. Một câu Phật hiệu này nếu không phải là thần chú bí mật cứu cánh viên mãn, thì làm sao có thể khiến cho phàm phu có nghiệp tập sâu nặng, chỉ trong khoảng một thời gian ngắn, như trong kinh đã nói nếu từ một đến bảy ngày thì có thể tiêu trừ nghiệp chướng của vô lượng kiếp, được vãng sanh về cõi Phật. Cho nên công đức danh hiệu là không thể nghĩ bàn, công đức danh hiệu quả thật đúng là thần chú đứng đầu. Cho nên nương theo pháp môn này tu học, Phật chú nguyện chúng sanh và Phật không khác. Tuy chúng ta nói kinh Bát nhã, học kinh Bát nhã, nhưng sự tu hành của chúng ta, phương hướng của chúng ta, mục tiêu của chúng ta, nhất định phải là một hướng chuyên niệm A Di Đà Phật. Điều này hoàn toàn tương ứng với giáo nghĩa của bản kinh.

Đại đức xưa, người thuộc giáo tông Bát Nhã nhưng hành ở Di Đà không ít. Năm đầu Dân quốc còn có hai vị mà mọi người chúng ta đều biết. Một vị là cư sĩ Giang Vị Nông. Ông cả đời đã dùng hết 40 năm nghiên cứu kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, 40 năm đã hoàn thành bộ trước tác kinh Kim Cang Giảng Nghĩa. Quyển sách này mấy năm gần đây lưu hành rất rộng rãi. Cư sĩ Giang Vị Nông tu pháp môn gì vậy? Là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thế mà tông ông hằng ca ngợi lại là giáo tông Bát Nhã, nhưng hành ở Di Đà tịnh độ. Trong truyện vãng sanh cận đại có tên của ông. Còn có một vị nữa đó là cư sĩ Chu Chỉ Am. Vị này thì cả đời dùng vào bộ Tâm kinh 260 chữ này đây. Ông cũng đã dùng công phu hết 40 năm. Không nên thấy kinh văn này quá ngắn, 40 năm nghiên cứu tâm kinh, ông cũng đã để lại cho chúng ta một trước tác, là thành tựu của 40 năm công phu về tâm kinh của ông, là bát nhã tâm kinh chú giải. Những năm gần đây chúng tôi cũng đã in rất nhiều bản, lưu hành rất rộng rãi. Kinh Kim Cang giảng nghĩa của Giang Vị Nông quả thực là đại từ điển của kinh Kim Cang. Tâm kinh chú giải của Chu Chỉ Am cũng có thể nói là đại từ điển của Bát Nhã Tâm kinh. Hai quyển sách này, hai kiểu chú giải, các bạn đồng tu tu học đại thừa nhất định phải xem. Chúng tôi không phải ở đây khích lệ hoặc giả là đề xướng Bát Nhã, không phải cái ý này, mà xem nó như là thường thức Phật học. Hai kiểu chú giải này của các Ngài, có thể nói sự chú giải về danh từ pháp tướng của đại thừa này là vô cùng phong phú, vô cùng đầy đủ.

Trước đây lão cư sĩ Lý Bình Nam ở Đài Trung trong bài giảng đại chuyên Phật học, bèn dùng kinh Kim Cang giảng nghĩa làm tài liệu giảng dạy, điều này là rất có đạo lý.

Kinh, hiển thuyết là dạy chúng ta mở trí tuệ, là dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật, giúp chúng ta diệt phiền não chướng. Còn cái mật thuyết này thì sao? Là dạy chúng ta đem tất cả phân biệt, vọng tưởng buông xả, phục hồi lại tâm thanh tịnh, vậy thì liền có thể diệt tội sinh phước. Cho nên cái này là đại phước đức, vì thế trong quá trình tu học chỉ sợ rơi vào ý thức, cũng chính là rất sợ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước. Tu hành rất sợ những thứ này. Phải buông xả tất cả những thứ này, vì nếu có những thứ này, như trong kinh Lăng nghiêm nói rất hay: “Tri kiến lập tri là gốc vô minh”. Cái này sẽ không thể khai ngộ được. Kinh văn nói rất hay: “Cuồng tâm yết xứ, yết tức bồ đề”. Chúng ta một câu Phật hiệu niệm đến cùng, buông xả thế giới thân tâm thì đại Bát nhã liền hiện tiền.

Phật giáo là nền giáo dục chí thiện viên mãn của Phật Đà đối với chín pháp giới chúng sanh. Nội dung của tất cả kinh mà Phật Thích Ca đã nói trong 49 năm, chính là nói rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Nhân sinh chính là bản thân mình, vũ trụ chính là môi trường sống của chúng ta. Tỉnh giác gọi là Phật Bồ Tát, bất giác là phàm phu. Tu hành tức là đem những cách làm, cách nói, cách nghĩ, cách nhìn sai lầm của chúng ta về vũ trụ nhân sinh sửa lại cho đúng. Cương lĩnh tu hành của Phật giáo là giác, chánh, tịnh. Giác chứ không phải mê, chánh chứ không phải tà, tịnh chứ không phải dơ. Nương theo tam học giới định tuệ để đi đến mục tiêu đó. **Cơ sở của tu học là tam phước, đối với người phải dựa theo lục hòa, xử thế phải tu lục độ, tuân thủ theo hạnh nguyện Phổ Hiền, tâm hướng về tịnh độ** thì sự giáo hóa của Phật mới có thể hoàn tất.